

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước lực cầu gia tăng trở lại ở nhiều nhóm cổ phiếu lớn

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, HCM

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi hạ tỷ trọng trong nhịp hồi phục, NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ mở lại 1 phần vị thế trading khi các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ đáng chú ý.

23/11/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,463.63	+1.13
VN30	1,533.12	+1.06
HĐTL VN30F1M	1,528.90	+1.08
HNXIndex	448.60	+0.90
HNX30	743.07	+1.26
UPCoM	113.03	+0.96
USD/VND	22,675	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.08	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.61	+7
Dầu (WTI, \$)	75.85	-1.17
Vàng (LME, \$)	1,801.52	-0.17



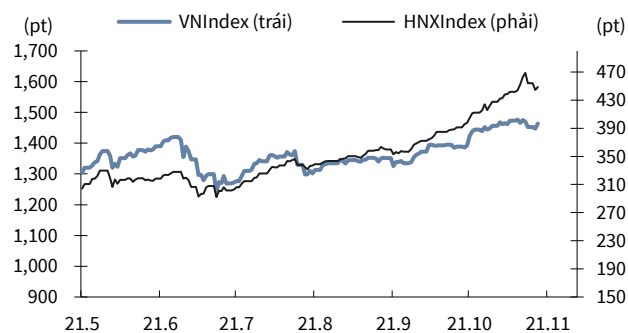
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,463.63 (+1.13%)
KLGD (triệu CP)	880.0 (-25.3%)
GTGD (triệu US\$)	1,156.7 (-28.3%)
HNXIndex	448.60 (+0.90%)
KLGD (triệu CP)	134.3 (-29.3%)
GTGD (triệu US\$)	143.2 (-32.6%)
UPCoM	113.03 (+0.96%)
KLGD (triệu CP)	89.1 (-53.3%)
GTGD (triệu US\$)	79.9 (-39.8%)

TTCK Việt Nam tăng điểm trước lực cầu gia tăng trở lại ở nhiều nhóm cổ phiếu lớn. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, sau khi sụt giảm mạnh trong 2 tháng 8 và 9, xuất khẩu tôm Việt Nam tháng 10/2021 đã đạt gần bằng giá trị cùng kỳ năm ngoái với 425,3 triệu USD và giá tôm chân trắng nguyên liệu tăng ở tất cả kích cỡ tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá ở VHC (+5%), FMC (+5%). Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA) cho biết giá cước vận chuyển container từ Việt Nam đi Mỹ có dấu hiệu giảm trong những tháng cuối năm tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm xuất khẩu ở PTB (+1.3%), DHC (+0.2%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (+1.9%), MSN (+4.4%), FUSSVFL (+0.3%).

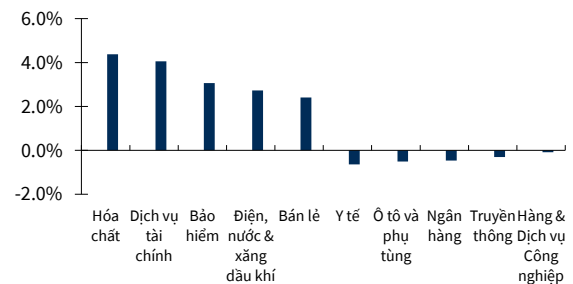
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +10.9

VNIndex & HNXIndex



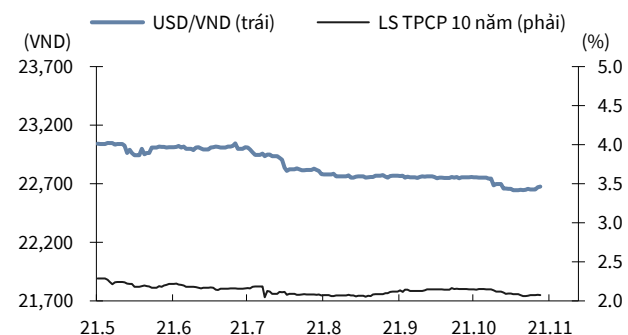
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



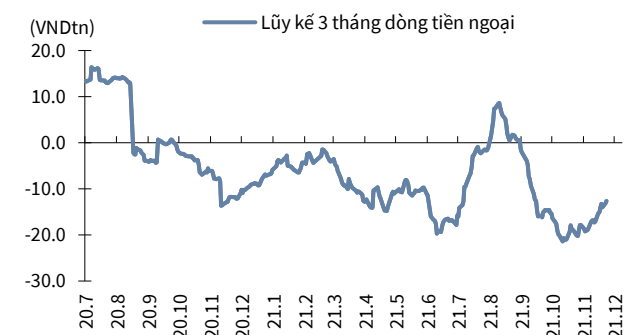
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

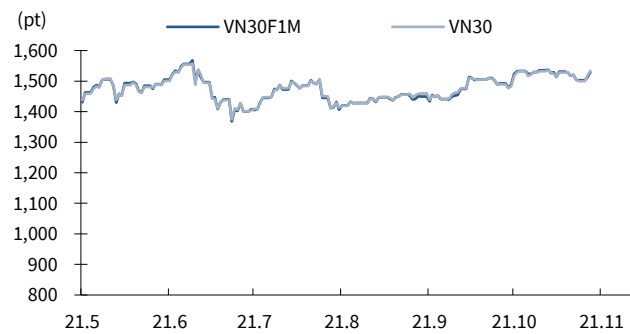
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,533.12 (+1.06%)
VN30F1M	1,528.9 (+1.08%)
Mở cửa	1,512.6
Cao nhất	1,528.9
Thấp nhất	1,509.0

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Dù trong xu hướng tăng điểm tuy nhiên F2111 biến động ở mức thấp hơn so với chỉ số VN30, chênh lệch giao động trong khoảng -2.7 và -9.96 trước khi đóng cửa ở mức -4.22 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên với thanh khoản thị trường giảm mạnh.

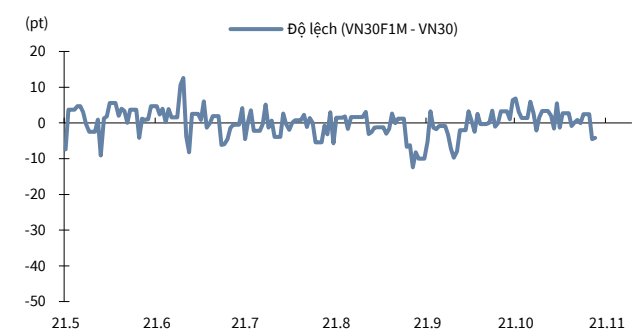
KLGD (HĐ)	110,310 (-27.6%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



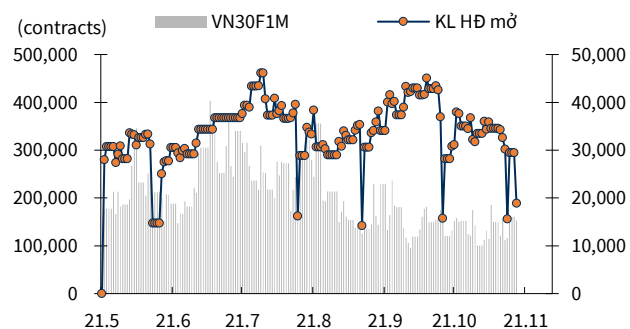
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



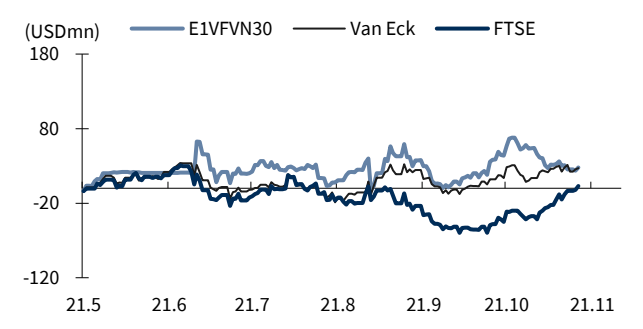
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

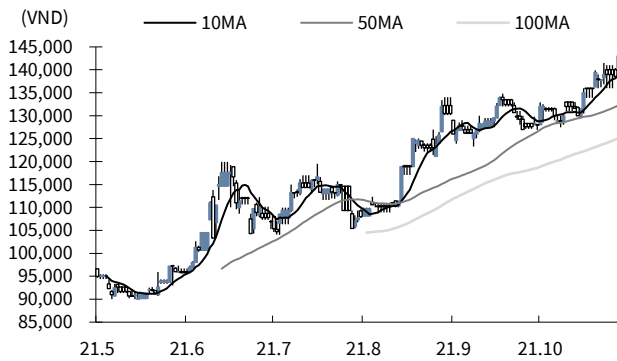
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

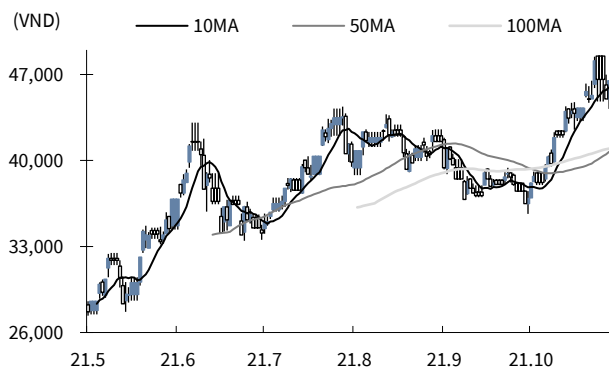
CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 3.17% lên 143,000 VND/cp
- Đầu tư Thế Giới Di Động thông báo lợi nhuận tháng 10 đạt 568 tỷ đồng (+86% YoY) và doanh thu đạt 12,186 tỷ đồng (+39% YoY), tương ứng tăng 71% và 46% so với tháng trước nhờ sự phục hồi của chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh sau khi được mở bán trở lại.
- Tại thời điểm cuối tháng 10, MWG có 4,921 cửa hàng, gồm 958 TGDD, 1,802 ĐMX, 1,976 BHX, 50 Bluetronics, 4 Topzone và 131 nhà thuốc An Khang.

CTCP Chứng khoán HSC (HCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HCM tăng 3.33% lên 46,500 VND/cp
- HĐQT Chứng khoán HSC thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện 5%, ngày đăng ký cuối cùng vào 16/12/2021 và thời gian thanh toán dự kiến ngày 13/1/2022. Theo đó, với hơn 305 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi gần 153 tỷ đồng trong đợt trả cổ tức này.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, VNIndex sớm hồi phục và tăng điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Sau khi một lần nữa thử thách lại vùng hỗ trợ gần quanh 143x, chỉ số đã cho phản ứng khá tích cực và quay lên trên đường MA10. Mặc dù vậy, thanh khoản sụt giảm cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư và rủi ro mở rộng thêm nhịp điều chỉnh vẫn cần được tính đến trong những phiên tới.
- Sau khi hạ tỷ trọng trong nhịp hồi phục, NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ mở lại 1 phần vị thế trading khi các mã mục tiêu quay xuống các vùng hỗ trợ đáng chú ý.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1536 - 1540

Kháng cự gần: 1531 - 1533

Hỗ trợ gần: 1520 - 1522

Hỗ trợ xa: 1510 - 1514

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, F1 sớm hồi phục và tăng điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Xung lực tăng điểm mạnh giúp cho chỉ số đóng phiên trên đường MA10 và có cơ hội thử thách lại vùng kháng cự then chốt 153x. Mặc dù vậy, áp lực rung lắc và rủi ro điều chỉnh sẽ sớm quay trở lại chi phối diễn biến trong những phiên tới.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời 1 phần vị thế Long tại các vùng kháng cự trong phiên và nắm giữ phần còn lại kỳ vọng cơ hội vượt đỉnh.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

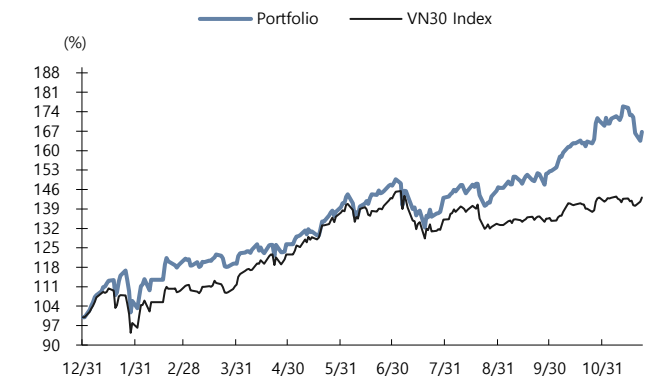
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.06%	1.98%
Tăng lũy kế (YTD)	43.18%	66.74%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/11/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	143,000	3.2%	85.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	59,000	2.1%	141.3%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	105,700	1.6%	37.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	189,300	1.5%	0.0%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	66,700	3.4%	96.2%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	96,600	1.7%	231.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,100	-1.2%	80.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	104,600	2.4%	42.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	49,550	1.8%	242.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	48,000	3.2%	250.4%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	1.9%	23.0%	75.9
MSN	4.4%	32.3%	71.8
FUESSVFL	0.3%	97.2%	54.0
VRE	0.8%	29.5%	45.9
VCB	0.3%	23.6%	31.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SSI	7.0%	40.3%	-191.0
VPB	-1.2%	15.3%	-101.9
VNM	0.1%	54.6%	-95.3
HCM	3.3%	46.5%	-55.1
NKG	1.5%	9.4%	-18.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	0.6%	1.6%	3.0
SHS	5.3%	8.0%	2.9
PCG	8.3%	41.5%	1.2
DP3	-0.4%	2.5%	0.6
PGS	5.6%	1.3%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	8.8%	16.7%	-8.0
API	1.1%	0.8%	-1.8
VHL	-1.2%	2.3%	-0.8
KLF	1.7%	1.1%	-0.6
APS	4.1%	1.6%	-0.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	7.7%	SSI, VND
Ngân hàng	3.3%	CTG, HDB
Bán lẻ	2.8%	MWG, DGW
Truyền thông	1.6%	PNC, ADG
Ô tô và phụ tùng	0.0%	CSM, TCH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-7.9%	GAS, POW
Tài nguyên Cơ bản	-5.0%	HPG, HSG
Dầu khí	-4.7%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	-4.5%	VGC, HT1
Bảo hiểm	-4.3%	BVH, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	29.3%	SSI, VND
Ô tô và phụ tùng	22.6%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	13.6%	VGC, VCG
Bán lẻ	12.1%	MWG, DGW
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.3%	GEX, TMS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-11.4%	HPG, HSG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.3%	GAS, PGD
Du lịch và Giải trí	-3.3%	HVN, VJC
Bảo hiểm	-1.7%	BVH, MIG
Y tế	-0.1%	DHG, PME

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	202,539 (8.9)	22.5	78.8	60.5	14.7	4.3	5.7	3.9	3.7	0.0	0.0	3.3	-1.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	610,953 (26.9)	26.6	10.5	9.0	35.9	32.9	28.3	3.0	2.3	1.9	-0.6	5.8	19.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	254,367 (11.2)	17.8	35.8	21.0	-7.6	6.6	10.1	2.3	2.2	0.8	0.3	-1.6	-4.0
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	340,826 (15.0)	31.3	36.7	21.5	6.7	18.0	16.3	4.4	3.6	4.0	3.0	2.8	120.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	165,048 (7.3)	11.6	26.4	19.2	18.0	13.1	14.7	3.1	2.6	5.8	-5.7	-0.1	70.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	340,722 (15.0)	13.9	14.9	10.5	-	15.3	17.9	2.2	1.8	5.3	-1.5	15.6	87.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	96,660 (4.3)	6.3	17.6	14.4	11.7	20.2	20.6	3.2	2.6	0.3	2.0	5.1	1.2
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	109,346 (4.8)	12.7	20.0	15.2	-5.3	13.2	16.0	2.1	2.0	-1.9	4.4	13.7	-6.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	982,863 (43.3)	0.0	10.8	9.1	14.3	20.8	19.8	2.0	1.7	-0.9	1.2	0.6	67.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	424,261 (18.7)	1.4	10.8	8.6	61.1	17.8	19.6	1.6	1.4	-1.2	5.2	15.0	27.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	346,944 (15.3)	0.0	12.7	10.8	18.8	18.5	16.6	2.1	1.7	-1.2	0.3	-2.6	100.8
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	343,758 (15.1)	0.0	9.1	7.5	14.6	22.0	22.4	1.7	1.4	-1.0	0.9	3.6	71.2
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	177,142 (7.8)	4.2	11.4	9.9	23.3	22.1	21.1	2.1	1.8	-1.5	14.0	29.5	67.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	481,631 (21.2)	14.0	17.3	13.0	26.5	10.5	12.1	1.6	1.4	-1.0	1.6	8.8	68.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	157,537 (6.9)	0.0	11.7	9.7	37.5	22.1	20.5	2.2	1.8	4.7	11.4	12.7	81.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	18,280 (0.8)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.7	-2.5	17.5	42.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	109,278 (4.8)	21.0	26.5	25.3	15.8	8.6	8.6	2.2	2.0	3.7	-3.4	3.5	-5.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	55,150 (2.4)	14.2	22.3	19.2	9.1	10.9	12.6	2.1	1.9	0.9	-9.0	7.0	74.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	938,019 (41.4)	55.4	26.6	23.8	-3.2	17.3	17.7	-	-	7.0	16.2	32.7	137.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	403,563 (17.8)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.7	5.5	21.5	158.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	220,041 (9.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	3.3	3.3	24.0	94.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	596,306 (26.3)	27.2	17.7	29.9	36.3	-	-	5.9	5.4	6.9	16.1	54.6	329.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	317,725 (14.0)	42.1	18.1	16.9	4.0	32.8	34.0	5.5	5.3	0.1	-2.6	-4.6	-20.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	17,133 (0.8)	36.9	26.4	21.7	7.3	20.3	22.5	4.9	4.4	0.0	-1.5	7.3	-13.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	201,124 (8.9)	16.5	53.3	30.2	-51.9	23.7	22.4	9.4	7.2	4.4	3.0	11.7	76.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	96,348 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	-9.7	10.4	-43.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	112,295 (4.9)	11.0	-	37.0	-88.5	0.4	16.2	-	-	3.1	3.2	0.2	5.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	225,257 (9.9)	10.8	30.0	20.9	-57.0	9.2	12.5	2.5	2.3	5.9	-7.4	2.6	56.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	236,372 (10.4)	38.4	50.8	16.1	65.7	3.1	8.4	1.6	1.5	-0.9	-4.6	38.3	27.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	139,949 (6.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	1.2	-3.7	22.4	170.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	626,364 (27.6)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	-7.0	2.7	79.8	146.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	49,226 (2.2)	3.6	34.6	16.8	-52.4	1.8	3.7	0.6	0.6	-0.7	-5.4	-3.5	-12.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	48,601 (2.1)	0.0	11.7	9.4	-4.5	13.2	14.6	1.4	1.3	3.4	-7.1	12.2	36.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	208,575 (9.2)	46.1	21.3	16.6	-17.5	19.3	22.9	4.0	3.6	2.4	-	-6.7	20.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	29,944 (1.3)	31.4	12.4	10.3	-10.5	11.6	17.1	1.5	1.4	4.4	-7.8	-3.7	-9.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,740 (0.3)	34.1	15.2	12.9	-5.1	9.5	11.3	-	-	1.8	-3.0	0.7	-6.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,696,926 (74.8)	18.0	6.6	6.7	21.9	42.5	30.0	2.3	1.8	1.8	-4.7	-	61.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	322,415 (14.2)	36.5	9.4	11.9	-0.5	25.8	17.6	2.0	1.8	6.0	-6.1	5.9	162.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	291,300 (12.8)	46.5	19.7	19.1	-4.5	18.2	16.8	2.8	2.6	5.7	-5.6	11.4	164.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	449,693 (19.8)	38.9	5.9	6.4	67.9	25.8	19.2	1.4	1.1	1.8	-9.3	-	94.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	158,813 (7.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	3.0	-3.9	5.9	30.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	159,482 (7.0)	4.6	20.4	17.2	-51.0	16.1	17.4	3.0	3.0	2.0	-3.1	7.8	4.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	277,563 (12.2)	39.9	501.2	27.1	-11.9	0.0	3.4	0.8	0.8	4.0	-	0.9	70.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	133,809 (5.9)	35.9	11.5	10.0	1.2	14.6	14.9	1.5	1.4	5.9	-7.1	-1.4	73.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	198,834 (8.8)	0.0	21.1	16.0	13.7	24.8	28.0	4.7	4.0	3.2	3.7	12.1	80.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	75,500 (3.3)	0.0	25.9	18.0	2.4	18.4	23.2	4.3	3.6	1.6	-2.1	6.8	30.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	12,381 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.9	13.8	-62.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	89,907 (4.0)	30.3	37.9	26.0	-75.2	10.2	13.7	3.6	3.3	5.5	1.7	23.7	84.4
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	88,307 (3.9)	34.6	25.0	10.1	41.2	13.4	30.4	2.8	2.5	0.4	-1.3	18.7	9.7
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,265 (0.1)	45.4	18.0	17.0	10.7	19.9	19.3	3.3	3.0	0.2	-3.3	0.4	-5.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	211 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-6.7	-5.0	15.3	-8.6
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	202,837 (8.9)	0.0	20.8	17.7	15.5	24.2	25.6	4.5	4.2	1.7	-1.7	0.4	88.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.